

**UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 476 /SGDĐT-KHTC

Phú Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2019

V/v triển khai thực hiện chính sách miễn,
giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập;
chính sách về giáo dục đối với học sinh
khuyết tật năm học 2019-2020

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các trường PT ngoài công lập: Trường PT Duy Tân; THPT Nguyễn Bình Khiêm.

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30/3/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 86, Thông tư 09);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ GDĐT, Bộ Lao động TBXH, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 42);

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật năm học 2019-2020 như sau:

1. Quy trình thực hiện, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Thông tư 09; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42 (thực hiện như năm học 2018-2019).

2. Khi thực hiện xét duyệt đối tượng hưởng các chính sách, nhà trường lưu ý một số nội dung như sau: Đối với thành viên hộ nghèo đa chiều thiếu hụt ít nhất 01 chỉ số về giáo dục (trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em) được thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo như đối với thành viên hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập. Đối với thành viên hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản khác thì được thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo như đối với thành viên là hộ cận nghèo.

3. Nhà trường rà soát đơn đốc các đối tượng nộp hồ sơ đầy đủ, kịp thời để thực hiện xét duyệt hồ sơ và tiến hành lập danh sách, tổng hợp nhu cầu kinh phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật (theo biểu số 01, số 02 và số 3 đính kèm công văn)

nộp Sở Giáo dục và Đào tạo (Phòng Kế hoạch – Tài chính) với mốc thời gian như sau:

- Báo cáo nhu cầu kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật học kỳ I trước ngày 20/10/2019.

- Báo cáo nhu cầu kinh phí cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật học kỳ II trước ngày 26/02/2020.

4. Sau khi có thông báo của Sở GDĐT về thẩm định nhu cầu kinh phí các đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật HKI năm học 2019-2020 đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách đã giao trong năm 2019 để chi cho học sinh. Riêng đối với các trường ngoài công lập sẽ được chi trả tại Sở GDĐT.

5. Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập; chính sách về giáo dục đối với học sinh khuyết tật có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí đúng mục đích, theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện./. *Chinh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC. *leuk*



Phạm Văn Cường

**BÁO CÁO NHU CẦU CẤP BÙ HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH 86/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ.....NĂM HỌC 2019-2020**

Đvt: đồng

| TT | Chỉ tiêu | Lớp | Mức học phí được miễn, giảm | Số tháng được miễn, giảm | Số tiền được miễn, giảm để nghị cấp bù | Chi tiết đối tượng miễn, giảm |
|-----------|------------------------------------|-----|-----------------------------|--------------------------|--|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | Tổng số | | | | | |
| I | Đối tượng được miễn học phí | | | | | |
| a | THCS | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| b | THPT | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| II | Đối tượng được giảm học phí | | | | | |
| 1 | Mức giảm 70% | | | | | |
| a | THCS | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| b | THPT | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 2 | Mức giảm 50% | | | | | |
| a | THCS | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| b | THPT | | | | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

Ghi chú:

Cột (7) ghi rõ học sinh được miễn, giảm học phí thuộc đối tượng nào; nếu là hộ nghèo thì ghi rõ nghèo theo tiêu chí nào và ghi mã số, cận nghèo thì ghi mã số

Đối với HS phổ thông học kỳ I là 4 tháng, học kỳ II là 5 tháng

Kế toán đơn vị

Phú Yên, ngày..... tháng....năm

Thủ trưởng đơn vị

**BÁO CÁO NHU CẦU HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 86/2015/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ.....NĂM HỌC 2019-2020**

Đvt: đồng

| STT | Họ và tên học sinh được hỗ trợ chi phí học tập | Lớp | Số tháng được hỗ trợ | Số tiền được hỗ trợ | Chi tiết đối tượng |
|-----------|--|-----|----------------------|---------------------|--------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | Tổng số | | | | |
| A | Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ | | | | |
| I | THCS | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| II | THPT | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| B | Học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ | | | | |
| I | THCS | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| II | THPT | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| C | Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ | | | | |
| I | THCS | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| II | THPT | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

Ghi chú:

Cột (6) ghi rõ học sinh được hỗ trợ CPHT thuộc đối tượng nào; nếu là hộ nghèo thì ghi mã số
Đối với HS phổ thông học kỳ I là 4 tháng, học kỳ II là 5 tháng

Phú Yên, ngày..... tháng....năm

Kế toán đơn vị

Thủ trưởng đơn vị

**BÁO CÁO KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ GD
ĐỐI VỚI NGƯỜI KHUYẾT TẬT HK NH 2019-2020**

(ĐVT: 1.000 đ)

| STT | Tên học sinh | Học bổng | KP mua sắm PTĐDHT | Cộng | Nhu cầu kinh phí năm 201... | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|-------------------|-------|-----------------------------|---------|
| A | B | 1 | 2 | 3=1+2 | 4 | 5 |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | |

Ghi chú : Cột số 5 đơn vị ghi mã số hộ nghèo, hộ cận nghèo (Lưu ý đối tượng không trùng lặp với đối tượng đã hưởng chi phí học tập của Nghị định 86)

Người lập

Phú Yên, ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ